

Bản án số: 270/2024/DS-ST
Ngày: 15-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Hoàng Ngọc Hà
2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Chung Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2012/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2012 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lương Tuấn K, năm sinh, năm sinh 1980; Địa chỉ thường trú: Số G (số C) đường T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1; Trụ sở: Số E đường B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Trịnh Ngọc S, năm sinh 1956; Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Xin vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Trí T; Địa chỉ: Số A đường T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Bà L, Soo Y; Địa chỉ: WP12, tầng 17 (P - 16) Block W, Tòa nhà chung cư D S, đường số A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2012 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lương Tuấn K trình bày: Ngày 16/3/2010, ông Lương Tuấn K (viết tắt ông K) và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 (viết tắt Công ty T1) ký hợp đồng vay vốn, theo đó ông K cho Công ty T1 vay 3.000.000.000 đồng có thời hạn 06 tháng, lãi suất 4%/tháng (nếu thời hạn vay chưa đến 30 ngày thì trả lãi 0,5%/ ngày, trường hợp trả nợ vốn trước thời hạn và tiền lãi chưa đủ tháng thì tiền lãi được chia theo tỷ lệ với thời gian vay của tháng đó và một số thỏa thuận khác). Căn cứ vào nội dung thỏa thuận, ông K đã giao cho Công ty T1 số tiền 3.000.000.000 đồng và ngày 17/9/2010 giao thêm 500.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay, Công ty T1 thế chấp bản chính giấy chứng quyền sở hữu công trình xây dựng tại số H đường T, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và một số giấy tờ liên quan đến Công trình xây dựng.

Ngày 28/5/2011, ông K và Công ty T1 lập biên bản xác nhận công nợ, theo đó Công ty T1 còn nợ ông K tổng số tiền là 3.854.000.000 đồng bao gồm: tiền nợ vốn là 3.500.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 354.000.000 đồng và cam kết trả từ ngày 16/6/2011 đến ngày 20/6/2011 nhưng Công ty T1 chỉ trả được 1.000.000.000 đồng. Do Công ty T1 vi phạm cam kết, ông K khởi kiện yêu cầu Công ty T1 trả tổng số tiền 3.718.500.000 đồng, bao gồm: tiền nợ vốn là 2.500.000.000 đồng, tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 10/6/2012 là 1.218.500.000 đồng và trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty T1 có ông Trịnh Ngọc S là người đại diện theo pháp luật trình bày: Theo đơn khởi kiện của ông K thể hiện ngày 16/3/2010, bà Lee Soo Y1 là giám đốc điều hành Công ty ký hợp đồng vay của ông K 3.000.000.000 đồng và do Công ty vi phạm hợp đồng nên ông K khởi kiện yêu cầu Công ty trả tiền nợ vốn và tiền lãi là 3.854.000.000 đồng nhưng sau khi rà soát, Công ty không nhận bất kỳ khoản tiền nào chuyển từ tài khoản của ông K, vì vậy Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K.

Tại phiên tòa;

Ông K yêu cầu Công ty T1 trả tiền nợ vốn là 2.500.000.000 đồng và trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Công ty Bán Kính trả tiền lãi tạm tính đến ngày 10/6/2012 là 1.218.500.000 đồng.

Công ty T1 do ông Trịnh Ngọc S là người đại diện theo pháp luật có đơn xin vắng mặt.

Ông Nguyễn Trí T và bà L, Soo Y1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, ông K rút yêu cầu Công ty T1 trả tiền lãi. Do ông K rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút.

Căn cứ hợp đồng vay vốn ngày 16/3/2010 và biên bản xác nhận công nợ ngày 28/5/2011, ngày 15/10/2011 thể hiện Công ty T1 có vay của ông K số tiền 2.500.000.000 đồng là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông K yêu cầu Công ty T1 trả tiền theo hợp đồng vay vốn và biên bản xác nhận công nợ. Do đó có cơ sở xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Tân Bình có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét Công ty T1 có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ ý kiến trình bày và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt Công ty T1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét ông Nguyễn Trí T và L, Soo Y1 đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T và bà L, Soo Y1 vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt của T và bà L, Soo Y1 là phù hợp với quy định tại

khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về áp dụng pháp luật: Các giao dịch dân sự trong vụ án này được thực hiện xong trước ngày 01/01/2017, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau: “Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết”. Do đó, áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng vay vốn ngày 16/3/2010, biên bản xác nhận công nợ ngày 28/5/2011 và ngày 15/10/2011 giữa Công ty T1 và ông K. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng vay vốn và các biên bản xác nhận công nợ mà các bên giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật về hình thức, nội dung được quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 389, Điều 401, Điều 402, Điều 403 và Điều 405 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền nợ vốn: Công ty T1 không thừa nhận có vay tiền của ông K mà cho rằng số tiền trên là cá nhân ông T và bà L, Soo Y1 vay nên ông T và bà L, Soo Y1 có trách nhiệm trả cho ông K. Ông K cho rằng ông không cho ông T và bà L, Soo Y1 vay mà ông cho Công ty T1 vay; còn việc Công ty T1 cử ai là người đại diện ký hợp đồng hay nhận tiền thì ông không biết. Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng vay vốn ngày 16/3/2010, biên bản xác nhận nợ ngày 28/5/2011 và 15/10/2011 thể hiện Công ty T1 còn nợ ông K tổng số tiền 3.118.580.000 đồng, trong đó tiền nợ vốn 2.500.000.000 đồng. Do đó, ông K khởi kiện yêu cầu Công ty T1 trả tiền nợ vốn 2.500.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Xét tại phiên tòa, ông K không yêu cầu Công ty T1 trả tiền lãi 1.218.580.000 đồng. Do ông K rút lại yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút.

[2.4] Về thời hạn trả nợ: Công ty T1 vay tiền của ông K nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ, điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K, thời gian vay đã lâu nên ông K yêu cầu Công ty T1 trả số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, buộc Công ty T1 trả tiền nợ vốn 2.500.000.000 đồng nên Công ty T1 phải chịu án phí trên số phải trả. Án phí mà Công ty T1 phải chịu là 82.000.000 đồng. Ông K được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 122, Điều 124, Điều 389, Điều 401, Điều 402, Điều 403, Điều 405, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Pháp lệnh Án phí, Lệ phí;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Tuấn K.

Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 trả cho ông Lương Tuấn K số tiền 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Tuấn K về việc không yêu cầu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 Bán Kính trả tiền lãi 1.218.580.000 (Một tỷ hai trăm mười tám triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 phải chịu số tiền 82.000.000 (Tám mươi hai triệu) đồng.

- H lại cho ông Lương Tuấn K số tiền 53.185.800 (Năm mươi ba triệu một trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AH/2011/00459 ngày 15 tháng 6 năm 2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Ông Lương Tuấn K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1, ông Nguyễn Trí T và bà L, Soo Y1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tp Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Tuấn N